

BẢN THUYẾT MINH
DỰ THẢO THÔNG TƯ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA THÔNG TƯ 39/2016/TT-NHNN

1. Sự cần thiết xây dựng dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39/2016/TT-NHNN

Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư 39/2016/TT-NHNN (Thông tư 39), một số tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (TCTD), NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố đề nghị NHNN làm rõ một số nội dung tại Thông tư 39; đồng thời, để tiếp tục hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho hoạt động cho vay của TCTD đối với khách hàng an toàn, hiệu quả, phù hợp với xu thế phát triển của công nghệ, vì vậy việc nghiên cứu sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư 39/2016/TT-NHNN là cần thiết để tạo điều kiện cho các TCTD thống nhất thực hiện.

2. Một số nội dung sửa đổi, bổ sung tại dự thảo Thông tư

2.1. Sửa đổi, bổ sung Điều 2:

2.1.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 cho phù hợp với khoản 5 và sửa đổi, bổ sung khoản 5 cho phù hợp với khoản 12 Điều 2.

2.1.2. Sửa đổi, bổ sung quy định về việc vay vốn phục vụ nhu cầu đời sống để mua nhà ở; xây dựng, cải tạo nhà ở; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây nhà ở tại điểm c khoản 6 Điều 2 Thông tư 39, vì: Thực trạng thời gian qua một số TCTD cho vay khách hàng cá nhân với mục đích tiêu dùng, sinh hoạt liên quan đến bất động sản với số tiền lớn, tiềm ẩn rủi ro nếu xảy ra biến động trên thị trường bất động sản. Do đó, để kiểm soát rủi ro đối với khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống liên quan đến bất động sản, cần quy định chặt chẽ hơn (quy trình, điều kiện, hồ sơ, thủ tục, phương án sử dụng vốn vay, kế hoạch trả nợ...) đối với khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống để mua nhà ở; xây dựng, cải tạo nhà ở; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây nhà.

2.1.3. Bổ sung khoản 12 quy định về hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân khi tham gia quan hệ vay vốn cho phù hợp quy định tại Chương VI Bộ Luật Dân sự và NĐ 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp và sửa đổi khoản 5 Điều 2 cho phù hợp với khoản này.

2.2. Sửa đổi, bổ sung quy định những nhu cầu vốn không được cho vay (Điều 8):

2.2.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 2 và khoản 3, điều chỉnh các nhu cầu vốn không được cho vay phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Đầu tư (các ngành nghề cấm đầu tư theo quy định của Luật, chứ không phải theo quy định của pháp luật nói chung).

2.2.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 5 cho phù hợp với thực tế, thay vì chỉ quy định đối với nhu cầu thanh toán lãi tiền vay phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình, mà chi phí lãi tiền vay được tính trong dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, cụ thể: Thanh toán lãi tiền vay của khoản cho vay để trồng cây công nghiệp có thời gian từ lúc trồng cây đến lúc khai thác là trung, dài hạn; thanh toán lãi tiền vay trong quá trình học tập, đào tạo mà chi phí lãi vay này đã được tính bao gồm trong dự toán tổng chi phí học tập, đào tạo...

2.2.3. Sửa đổi, bổ sung khoản 6 cho phù hợp với thực tế, thay vì chỉ quy định đối với khoản vay phục vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể: Khoản vay nước ngoài dưới hình thức mua bán hàng hóa trả chậm cho phù hợp với thông lệ thị trường và bản chất của hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế; bên cạnh đó, tạo điều kiện cho TCTD được vay để trả nợ khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống. Ngoài ra, việc quy định tại thời điểm xem xét cho vay, khoản vay đang được phân loại nợ thuộc nhóm nợ 1 hoặc nhóm nợ 2 theo kết quả gần nhất về phân loại nợ, cam kết ngoại bảng của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam cung cấp để tránh che giấu nợ xấu nhưng đồng thời tháo gỡ những khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong bối cảnh dịch Covid-19 mà khoản vay đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa đổi bổ sung).

2.2.4. Bổ sung khoản 7 vì thực tiễn thời gian qua, một số TCTD đã thực hiện cho vay để chứng minh năng lực tài chính của khách hàng vay khi tham gia giao dịch dân sự với bên thứ ba, như chứng minh tài chính để đi du học, bảo lãnh, góp vốn thành lập doanh nghiệp. Liên quan đến vấn đề này, NHNN đã có văn bản số 9565/NHNN-CSTT ngày 06/12/2019 cảnh báo TCTD. Vì vậy, cần xem xét bổ sung quy định về nhu cầu vốn không được cho vay để đảm bảo kiểm soát sử dụng vốn vay đúng mục đích và kiểm soát rủi ro khoản vay.

2.2.5. Bổ sung khoản 8 vì:

(i) Đối với trường hợp cho vay góp vốn, hợp tác kinh doanh không hình thành vốn điều lệ của đơn vị nhận góp vốn: Việc đánh giá phương án khả thi và khả năng trả nợ của khách hàng là rất khó do hiệu quả của phương án được xác định bởi khoản lợi tức cố định do bên nhận góp vốn cam kết trả cho khách hàng, không phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của bên nhận góp vốn và nguồn trả nợ của khách hàng được thẩm định phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn tiền của bên nhận góp vốn; việc xác định vốn vay được sử dụng đúng mục đích được thực hiện thông qua việc kiểm soát tiền được chuyển cho bên nhận góp vốn. Tuy nhiên, sau khi giải ngân vào tài khoản của bên nhận góp vốn, một số trường hợp TCTD không kiểm soát được việc sử dụng vốn của bên nhận góp vốn, không đánh giá thường xuyên tình hình tài chính, tình hình hoạt động, khả năng trả nợ của bên nhận góp vốn.

(ii) Đối với trường hợp cho vay góp vốn, hợp tác kinh doanh hình thành vốn điều lệ của đơn vị nhận góp vốn: Thực tế cho thấy một số trường hợp chủ đầu tư/đơn vị nhận vốn góp là doanh nghiệp mới thành lập; các hồ sơ, tài liệu liên quan đến doanh nghiệp cho thấy doanh nghiệp không có nhân sự có kinh nghiệm, không có máy móc, phương tiện hoạt động thi công công trình; không có tài sản cố định phục vụ hoạt động quản lý, kinh doanh, chủ đầu tư nhận vốn góp không có khả năng tài chính cũng như năng lực thực hiện dự án/phương án...; trong khi đó, TCTD thực hiện thẩm định, quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát vốn vay thiếu chặt chẽ...

(iii) Về cho vay hoàn vốn tự có: Việc cho vay này tiềm ẩn rủi ro về việc sử dụng vốn vay và tính xác thực của các giao dịch mà TCTD tài trợ trong thực tế; TCTD sẽ không kiểm soát được việc khách hàng sử dụng số tiền được giải ngân.

(iv) Về cho vay thanh toán tiền đặt cọc: TCTD cấp tín dụng cho khách hàng để đặt cọc hướng đến các công ty này chuyển nhượng BĐS hình thành trong tương lai, tuy nhiên hầu hết các dự án BĐS sẽ chuyển nhượng chưa đủ điều kiện để thực hiện theo quy định của pháp luật như: chưa có giấy phép xây dựng, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Sau khi TCTD cấp tín dụng khách hàng và chủ đầu tư hủy hợp đồng đặt cọc do không hoàn thiện được thủ tục pháp lý để ký hợp đồng chuyển nhượng. Do đó, việc kiểm soát mục đích sử dụng vốn khó khăn, tiềm ẩn rủi ro.

2.3. Bổ sung khoản 2 Điều 11 quy định “*Trường hợp trả nợ bằng đồng tiền khác, thì thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật liên quan*” đảm bảo chặt chẽ, rõ ràng làm cơ sở cho các TCTD thống nhất thực hiện.

2.4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 (nội dung khoản 5 Điều 7 chuyển sang), bố cục lại để tránh hiểu đây là một điều kiện vay vốn và đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật Các TCTD (TCTD phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng); tại điểm đ khoản 2 chỉnh sửa quy định về lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa nhằm đáp ứng nhu cầu vốn phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định tại Luật công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn Luật công nghệ cao và Nghị quyết số 138/NQ-CP ngày 31/12/2017.

2.5. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ.

2.6. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 theo đề nghị của các TCTD và để bảo vệ khách hàng (người tiêu dùng).

2.7. Sửa đổi, bổ sung điểm a và bổ sung điểm h khoản 2 Điều 22

2.7.1. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 22 theo đề nghị của CQTTGSNH và các TCTD để làm cơ sở cho cán bộ thẩm định thực hiện và làm cơ sở để cán bộ thanh tra xem xét, quyết định.

2.7.2. Bổ sung điểm h khoản 2 Điều 22 để quản lý chặt chẽ hơn đối với cho vay để đầu tư kinh doanh chứng khoán; cho vay mua, kinh doanh bất động sản; cho vay các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; cho vay các nhu cầu vốn phục vụ đời sống có giá trị lớn theo đánh giá của tổ chức tín dụng;”.

2.8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều 23:

2.8.1. Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 1 Điều 23 do Thông tư bổ sung quy định cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử. Cho vay theo hình thức truyền thống hay cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử thì trong thỏa thuận cho vay vẫn phải có các nội dung tối thiểu đã được quy định.

2.8.2. Sửa đổi điểm b khoản 4 Điều 23 cho dễ hiểu để các TCTD thống nhất thực hiện.

2.9. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 vì: Khoản 3 Điều 94 Luật Các TCTD quy định “*Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng*”. Do đó, dự thảo Thông tư sửa đổi cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 94 Luật Các TCTD.

2.10. Bổ sung Điều 24a vào sau Điều 24 vì, tại Điều 97 Luật Các TCTD quy định: *TCTD được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của NHNN về quản lý rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử*; theo đề nghị của TCTD và phù hợp với chủ trương Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến 2025, định hướng đến năm 2030 của Thống đốc NHNN tại Quyết định số 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021. Do đó, để tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử của TCTD đối với khách hàng, dự thảo Thông tư bổ sung quy định chung về hoạt động cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng bổ sung thêm các quy định để đảm bảo an toàn hoạt động cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử.

2.11. Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 27:

2.11.1. Sửa đổi, bổ sung khoản 1: Chỉnh sửa cho dễ hiểu làm cơ sở cho các TCTD thống nhất thực hiện.

2.11.2. Sửa đổi, bổ sung khoản 4 để tránh gây nhầm lẫn, vì trên thực tế TCTD và khách hàng ký hợp đồng cho vay hạn mức phục vụ nhu cầu thường xuyên của khách hàng, việc quy định mỗi lần đề nghị giải ngân TCTD phải thực hiện cho vay từng lần sẽ phát sinh thủ tục cho cả TCTD và khách hàng.

2.11.3. Sửa đổi, bổ sung khoản 5: Chỉnh sửa câu chữ để làm rõ sự khác biệt giữa phương thức cho vay này với phương thức cho vay theo hạn mức theo đề nghị của nhiều TCTD.

**Bảng so sánh những điểm khác nhau giữa Thông tư 39/2016/TT-NHNN
và dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39/2016/TT-NHNN**

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
1	Điều 2: Giải thích từ ngữ	Sửa đổi, bổ sung khoản 4, khoản 5, điểm c khoản 6 và bổ sung khoản 12 Điều 2 như sau:	
1.1.	<p>Khoản 4 Điều 2 quy định:</p> <p>“4. Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống là việc tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng là cá nhân để thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân đó, gia đình của cá nhân đó”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 2 như sau:</p> <p>“4. Cho vay phục vụ nhu cầu đời sống là việc tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng là cá nhân, <i>hộ gia đình</i> để thanh toán các chi phí cho mục đích tiêu dùng, sinh hoạt của cá nhân, <i>hộ gia đình</i> đó. <i>Việc cho vay đối với hộ gia đình được xác lập qua đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 12 Điều này</i>”.</p>	Sửa đổi để thống nhất với nội dung quy định tại khoản 5 và khoản 12 Điều này.
1.2.	<p>Khoản 5 Điều 2 quy định:</p> <p>“5. Cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác (sau đây gọi là hoạt động kinh doanh) là việc tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng là pháp nhân, cá nhân nhằm đáp ứng nhu cầu vốn ngoài quy định tại khoản 4</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 5 Điều 2 như sau:</p> <p>“5. Cho vay phục vụ hoạt động kinh doanh, hoạt động khác (sau đây gọi là hoạt động kinh doanh) là việc tổ chức tín dụng cho vay đối với khách hàng <i>nhằm đáp ứng nhu cầu vốn ngoài quy định tại</i></p>	Sửa đổi để thống nhất với nội dung quy định tại khoản 12 Điều này.

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
	Điều này, bao gồm nhu cầu vốn của pháp nhân, cá nhân đó và nhu cầu vốn của hộ kinh doanh, doanh nghiệp tư nhân mà cá nhân đó là chủ hộ kinh doanh, chủ doanh nghiệp tư nhân”.	<i>khoản 4 Điều này, bao gồm: Nhu cầu vốn của chính khách hàng là pháp nhân, cá nhân và nhu cầu vốn của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân (bao gồm cả doanh nghiệp tư nhân). Việc cho vay đối với hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân được xác lập qua đại diện theo ủy quyền quy định tại khoản 12 Điều này”.</i>	
1.3.	Điểm c khoản 6 Điều 2 quy định: “c) Phương án, dự án thực hiện hoạt động kinh doanh (trừ nhu cầu vốn phục vụ đời sống).	Sửa đổi, bổ sung điểm c khoản 6 Điều 2 như sau: “c) Phương án, dự án thực hiện hoạt động kinh doanh <i>hoặc phương án, dự án phục vụ nhu cầu đời sống để mua nhà ở; xây dựng, cải tạo nhà ở; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây nhà ở.</i> ”.	CQTTGSNH phản ánh thực trạng thời gian qua một số TCTD cho vay khách hàng cá nhân với mục đích tiêu dùng, sinh hoạt liên quan đến bất động sản với số tiền lớn, tiềm ẩn rủi ro nếu xảy ra biến động trên thị trường bất động sản. Do đó, để kiểm soát rủi ro đối với khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống liên quan đến bất động sản, dự thảo Thông tư quy định chặt chẽ hơn (quy trình, điều kiện, hồ sơ, thủ tục, phương án sử dụng vốn vay, kế hoạch trả nợ...) đối với khoản cho vay phục vụ nhu cầu đời sống để mua nhà ở; xây dựng, cải tạo nhà ở; nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất để xây

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
			nhà ở.
1.4.		<p>Bổ sung khoản 12 Điều 2 như sau:</p> <p><i>“12. Hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân (bao gồm cả doanh nghiệp tư nhân) khi tham gia quan hệ vay vốn thì các thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác, tổ chức khác không có tư cách pháp nhân là chủ thể tham gia xác lập, thực hiện giao dịch vay vốn hoặc ủy quyền cho người đại diện tham gia xác lập, thực hiện giao dịch vay vốn. Việc ủy quyền phải được lập thành văn bản, trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Khi có sự thay đổi người đại diện thì phải thông báo cho bên tham gia quan hệ vay vốn biết. Trường hợp thành viên của hộ gia đình, tổ hợp tác và tổ chức khác không có tư cách pháp nhân tham gia quan hệ vay vốn không được các thành viên khác ủy quyền làm người đại diện thì thành viên đó là chủ thể của quan hệ vay vốn do mình xác lập, thực hiện”.</i></p>	<p>- Điều chỉnh theo quy định tại Chương VI Bộ Luật Dân sự và NĐ 116/2018/NĐ-CP sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 55/2015/NĐ-CP về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn.</p> <p>- Một số TCTD, NHNN chi nhánh tỉnh, thành phố có ý kiến về việc khách hàng vay vốn tại TCTD theo quy định tại khoản 3 Điều 2 Thông tư 39 chỉ bao gồm pháp nhân và cá nhân; chưa có hướng dẫn cụ thể trong trường hợp cho vay đối với doanh nghiệp tư nhân, hộ kinh doanh (là đối tượng không có tư cách pháp nhân). Do đó, dự thảo Thông tư bổ sung quy định để tạo điều kiện cho các đối tượng không có tư cách pháp nhân, như doanh nghiệp tư nhân được tiếp cận nguồn vốn tín dụng ngân hàng.</p>
2.	Điều 8. Những nhu cầu vốn không		- Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
	<p>được cho vay</p> <p>Tổ chức tín dụng không được cho vay đối với các nhu cầu vốn:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Để thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc ngành, nghề mà pháp luật cấm đầu tư kinh doanh. 2. Để thanh toán các chi phí, đáp ứng các nhu cầu tài chính của các giao dịch, hành vi mà pháp luật cấm. 3. Để mua, sử dụng các hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề mà pháp luật cấm đầu tư kinh doanh. 4. Để mua vàng miếng. 5. Để trả nợ khoản cấp tín dụng tại chính tổ chức tín dụng cho vay trừ trường hợp cho vay để thanh toán lãi tiền vay phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình, mà chi phí lãi tiền vay được tính trong tổng mức đầu tư xây dựng được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật. 	<p>Sửa đổi, bổ sung Điều 8 như sau:</p> <p>“Điều 8. Những nhu cầu vốn không được cho vay</p> <p>Tổ chức tín dụng không được cho vay đối với các nhu cầu vốn:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Để thực hiện các hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc ngành, nghề <i>cấm đầu tư kinh doanh theo quy định tại Luật Đầu tư.</i> 2. Để thanh toán các chi phí, đáp ứng các nhu cầu tài chính của <i>hoạt động đầu tư kinh doanh thuộc ngành, nghề cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Luật Đầu tư và các giao dịch, hành vi khác mà pháp luật cấm.</i> 3. Để mua, sử dụng các hàng hóa, dịch vụ thuộc ngành, nghề <i>cấm đầu tư kinh doanh quy định tại Luật Đầu tư.</i> 4. Để mua vàng miếng. 5. Để trả nợ khoản cấp tín dụng tại chính tổ chức tín dụng cho vay trừ trường hợp cho vay để thanh toán lãi tiền vay <i>mà tổ chức tín dụng và khách hàng đã xác định ngay từ ban đầu khi ký thỏa thuận cho vay phù hợp với quy định pháp</i> 	<p>2 và khoản 3 điều chỉnh các nhu cầu vốn không được cho vay phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự và Luật Đầu tư (các ngành nghề cấm đầu tư theo quy định của Luật, chứ không phải theo quy định của pháp luật nói chung).</p> <p>- Khoản 5: Sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế, thay vì chỉ quy định đối với nhu cầu thanh toán lãi tiền vay phát sinh trong quá trình thi công xây dựng công trình, mà chi phí lãi tiền vay được tính trong dự toán xây dựng công trình được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định của pháp luật, cụ thể: Thanh toán lãi tiền vay của khoản cho vay để trồng cây công nghiệp có thời gian từ lúc trồng cây đến lúc khai thác là trung, dài hạn; thanh toán lãi tiền vay trong quá trình học tập, đào tạo mà chi phí lãi vay này đã được tính bao gồm trong dự toán tổng chi phí học tập, đào tạo; cho vay để thanh toán L/C (trả ngay và trả chậm) tại chính TCTD, thanh toán thầu chi</p>

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
	<p>6. Để trả nợ khoản cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng khác và trả nợ khoản vay nước ngoài, trừ trường hợp cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) Là khoản vay phục vụ hoạt động kinh doanh;</p> <p>b) Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay cũ;</p> <p>c) Là khoản vay chưa thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ.</p>	<p><i>luật liên quan.</i></p> <p>6. Để trả nợ khoản cấp tín dụng tại tổ chức tín dụng khác và trả nợ khoản vay nước ngoài (<i>không bao gồm khoản vay nước ngoài dưới hình thức mua bán hàng hóa trả chậm</i>), trừ trường hợp cho vay để trả nợ trước hạn khoản vay đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau đây:</p> <p>a) <i>Thời hạn cho vay không vượt quá thời hạn cho vay còn lại của khoản vay cũ;</i></p> <p>b) <i>Tại thời điểm xem xét cho vay, khoản vay được phân loại nợ thuộc nhóm 1 và nhóm 2 theo kết quả gần nhất về phân loại nợ, cam kết ngoại bảng của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam cung cấp.</i></p> <p>7. Để chứng minh khả năng tài chính của khách hàng vay trong các quan hệ giao dịch dân sự với bên thứ ba.</p> <p>8. Góp vốn, hợp tác đầu tư, kinh doanh mà vốn góp hình thành nên vốn điều lệ của bên nhận vốn góp; góp vốn, hợp tác đầu tư, kinh doanh không hình thành nên vốn điều lệ của bên nhận vốn góp; nhận chuyển nhượng phần vốn góp</p>	<p>tài khoản...</p> <p>- Khoản 6 sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với thực tế, thay vì chỉ quy định đối với khoản vay phục vụ sản xuất kinh doanh, cụ thể: Khoản vay nước ngoài dưới hình thức mua bán hàng hóa trả chậm cho phù hợp với thông lệ thị trường và bản chất của hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế; bên cạnh đó, tạo điều kiện cho TCTD được vay để trả nợ khoản vay phục vụ nhu cầu đời sống. Ngoài ra, việc quy định tại thời điểm xem xét cho vay, khoản vay đang được phân loại nợ thuộc nhóm nợ 1 hoặc nhóm nợ 2 theo kết quả gần nhất về phân loại nợ, cam kết ngoại bảng của khách hàng do Trung tâm Thông tin tín dụng quốc gia Việt Nam cung cấp để tránh che giấu nợ xấu nhưng đồng thời tháo gỡ những khó khăn cho người dân và doanh nghiệp trong bối cảnh dịch Covid-19 mà khoản vay đã được cơ cấu lại thời hạn trả nợ theo quy định tại Thông tư số 01/2020/TT-NHNN (đã được sửa</p>

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
		<p><i>tại công ty khác; thanh toán tiền đặt cọc để thực hiện các giao dịch trong tương lai mà tại thời điểm đặt cọc chưa đủ điều kiện để thực hiện theo quy định của pháp luật; bù đắp vốn tự có/hoàn tiền vay để mua bất động sản/hàng hóa.”.</i></p>	<p>đổi bổ sung).</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung khoản 7 vì: Thực tiễn thời gian qua, một số TCTD đã thực hiện cho vay để chứng minh khả năng tài chính của khách hàng vay khi tham gia giao dịch dân sự với bên thứ ba, như chứng minh tài chính để đi du học, bảo lãnh, góp vốn thành lập doanh nghiệp. Liên quan đến vấn đề này, NHNN đã có văn bản số 9565/NHNN-CSTT ngày 06/12/2019 cảnh báo TCTD. Vì vậy, cần xem xét bổ sung quy định về nhu cầu vốn không được cho vay để đảm bảo kiểm soát sử dụng vốn vay đúng mục đích và kiểm soát rủi ro khoản vay. - Bổ sung khoản 8 vì: <ul style="list-style-type: none"> (i) Đối với trường hợp cho vay góp vốn, hợp tác kinh doanh không hình thành vốn điều lệ của đơn vị nhận góp vốn: Việc đánh giá phương án khả thi và khả năng trả nợ của khách hàng là rất khó do hiệu quả của phương án được xác định bởi khoản lợi tức cố định

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
			<p>do bên nhận góp vốn cam kết trả cho khách hàng, không phụ thuộc vào tình hình kinh doanh của bên nhận góp vốn và nguồn trả nợ của khách hàng được thẩm định phụ thuộc hoàn toàn vào nguồn tiền của bên nhận góp vốn; việc xác định vốn vay được sử dụng đúng mục đích được thực hiện thông qua việc kiểm soát tiền được chuyển cho bên nhận góp vốn. Tuy nhiên, sau khi giải ngân vào tài khoản của bên nhận góp vốn, một số trường hợp TCTD không kiểm soát được việc sử dụng vốn của bên nhận góp vốn, không đánh giá thường xuyên tình hình tài chính, tình hình hoạt động, khả năng trả nợ của bên nhận góp vốn.</p> <p>(ii) Đối với trường hợp cho vay góp vốn, hợp tác kinh doanh hình thành vốn điều lệ của đơn vị nhận góp vốn: Thực tế cho thấy một số trường hợp chủ đầu tư/đơn vị nhận góp vốn là doanh nghiệp mới thành lập; các hồ sơ, tài liệu liên quan đến doanh nghiệp cho thấy doanh nghiệp không có nhân sự có</p>

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
			<p>kinh nghiệm, không có máy móc, phương tiện hoạt động thi công công trình; không có tài sản cố định phục vụ hoạt động quản lý, kinh doanh, chủ đầu tư nhận vốn góp không có khả năng tài chính cũng như năng lực thực hiện dự án/phương án...; trong khi đó, TCTD thực hiện thẩm định, quyết định cho vay, kiểm tra, giám sát vốn vay thiếu chặt chẽ...</p> <p>(iii) Về cho vay hoàn vốn tự có: Việc cho vay này tiềm ẩn rủi ro về việc sử dụng vốn vay và tính xác thực của các giao dịch mà TCTD tài trợ trong thực tế; TCTD sẽ không kiểm soát được việc khách hàng sử dụng số tiền được giải ngân.</p> <p>(iv) Về cho vay thanh toán tiền đặt cọc: TCTD cấp tín dụng cho khách hàng để đặt cọc hướng đến các công ty này chuyển nhượng BĐS hình thành trong tương lai, tuy nhiên hầu hết các dự án BĐS sẽ chuyển nhượng chưa đủ điều kiện để thực hiện theo quy định</p>

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
			<p>của pháp luật như: chưa có giấy phép xây dựng, chưa có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất... Sau khi TCTD cấp tín dụng khách hàng và chủ đầu tư hủy hợp đồng đặt cọc do không hoàn thiện được thủ tục pháp lý để ký hợp đồng chuyển nhượng. Do đó, việc kiểm soát mục đích sử dụng vốn khó khăn, tiềm ẩn rủi ro.</p>
3.	<p>Điều 11. Đồng tiền cho vay, trả nợ</p> <p>Khoản 2 quy định:</p> <p>“2. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền cho vay của khoản vay”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 11 như sau:</p> <p>“2. Đồng tiền trả nợ là đồng tiền cho vay của khoản vay. <i>Trường hợp trả nợ bằng đồng tiền khác, thì thực hiện theo thỏa thuận giữa tổ chức tín dụng và khách hàng phù hợp với quy định của pháp luật liên quan.</i>”</p>	<p>Đảm bảo chặt chẽ, rõ ràng làm cơ sở cho các TCTD thống nhất thực hiện</p>
4.	<p>Điều 13. Lãi suất cho vay</p> <p>Khoản 2 quy định:</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 13 như sau:</p> <p>“2. <i>Trường hợp khách hàng được tổ chức</i></p>	<p>- Nội dung khoản 5 Điều 7 chuyển sang, bố cục lại để tránh hiểu đây là một điều kiện vay vốn và đảm</p>

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
	<p>“2. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng một số nhu cầu vốn:</p> <p>a) Phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;</p> <p>b) Thực hiện phương án kinh doanh hàng xuất khẩu theo quy định tại Luật thương mại và các văn bản hướng dẫn Luật thương mại;</p> <p>c) Phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của Chính phủ về trợ giúp phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa;</p> <p>d) Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;</p> <p>đ) Phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo</p>	<p><i>tín dụng đánh giá là có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh</i>, tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về lãi suất cho vay ngắn hạn bằng đồng Việt Nam nhưng không vượt quá mức lãi suất cho vay tối đa do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quyết định trong từng thời kỳ nhằm đáp ứng một số nhu cầu vốn:</p> <p>a) Phục vụ lĩnh vực phát triển nông nghiệp, nông thôn theo quy định của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn;</p> <p>b) Thực hiện phương án kinh doanh hàng xuất khẩu theo quy định tại Luật Thương mại và các văn bản hướng dẫn Luật Thương mại;</p> <p>c) Phục vụ kinh doanh của doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định <i>tại Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa và quy định của Chính phủ về hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa</i>;</p> <p>d) Phát triển ngành công nghiệp hỗ trợ theo quy định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ;</p> <p>đ) Phục vụ kinh doanh của các</p>	<p>bảo phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 94 Luật Các TCTD (TCTD phải yêu cầu khách hàng cung cấp tài liệu chứng minh phương án sử dụng vốn khả thi, khả năng tài chính của mình, mục đích sử dụng vốn hợp pháp, biện pháp bảo đảm tiền vay trước khi quyết định cấp tín dụng).</p> <p>- Điều chỉnh cho phù hợp với các quy định hiện hành tại một số văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến một số đối tượng, lĩnh vực cần khuyến khích tạo điều kiện tiếp cận vốn tín dụng ngân hàng.</p>

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
	quy định tại Luật công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn Luật công nghệ cao”.	doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao <i>thuộc Danh mục công nghệ cao ưu tiên đầu tư phát triển được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, doanh nghiệp Công nghệ cao và các văn bản hướng dẫn Luật Công nghệ cao</i> ”.	
5.	<p>Điều 15. Bảo đảm tiền vay</p> <p>Khoản 3 quy định:</p> <p>“3. Khách hàng, bên bảo đảm phải phối hợp với tổ chức tín dụng để xử lý tài sản bảo đảm tiền vay khi có căn cứ xử lý theo thỏa thuận cho vay, hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 15 như sau:</p> <p>“3. Khách hàng, bên bảo đảm và người có nghĩa vụ được bảo đảm phải phối hợp với tổ chức tín dụng để xử lý tài sản bảo đảm tiền vay khi có căn cứ xử lý theo thỏa thuận cho vay, hợp đồng bảo đảm tiền vay và quy định của pháp luật”.</p>	Phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 3 Nghị định 21/2021/NĐ-CP ngày 19/3/2021 quy định thi hành Bộ luật Dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ dân sự.
6.	<p>Điều 18. Trả nợ gốc và lãi tiền vay</p> <p>Khoản 4 quy định:</p> <p>“4. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, tổ chức tín dụng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 18 như sau:</p> <p>“4. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận về thứ tự thu nợ gốc, lãi tiền vay. Đối với khoản nợ vay bị quá hạn trả nợ, tổ chức tín dụng thực hiện theo thứ tự nợ gốc thu trước, nợ lãi tiền vay thu sau.</p>	Theo đề nghị của các TCTD và để bảo vệ khách hàng (người tiêu dùng)

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
	thu sau”.	<i>Đối với khoản nợ vay có một hoặc một số kỳ hạn trả nợ bị quá hạn mà khách hàng không có khả năng thanh toán toàn bộ khoản nợ, TCTD thực hiện thu nợ theo thứ tự thu nợ gốc đã quá hạn, thu nợ lãi đã quá hạn, thu nợ gốc đến hạn và thu lãi trong hạn”.</i>	
7.	Điều 22. Quy định nội bộ	Sửa đổi, bổ sung điểm a và bổ sung điểm h khoản 2 Điều 22 như sau:	
7.1	<p>Điểm a khoản 2 quy định:</p> <p>“2. Quy định nội bộ về cho vay của tổ chức tín dụng được thực hiện trong toàn hệ thống và phải có tối thiểu các nội dung cụ thể sau:</p> <p>a) Điều kiện cho vay; các nhu cầu vốn không được cho vay; phương thức cho vay; lãi suất cho vay và phương pháp tính lãi tiền vay; hồ sơ cho vay và các tài liệu của khách hàng gửi tổ chức tín dụng phù hợp với đặc điểm của khoản vay, loại cho vay và đối tượng khách hàng; thu nợ; điều kiện, quy trình và thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ;</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 2 Điều 22 như sau:</p> <p>“a) Điều kiện cho vay, <i>trong đó quy định cụ thể các tiêu chí đánh giá về nhu cầu vay vốn sử dụng vào mục đích hợp pháp, có phương án sử dụng vốn khả thi và có khả năng tài chính để trả nợ</i>; các nhu cầu vốn không được cho vay; phương thức cho vay; lãi suất cho vay và phương pháp tính lãi tiền vay; <i>tiêu chí xác định khách hàng có tình hình tài chính minh bạch, lành mạnh được vay vốn theo lãi suất cho vay quy định tại khoản 2 Điều 13 Thông tư này</i>; hồ sơ cho vay và các tài</p>	<p>Theo đề nghị của CQTTGSNH và các TCTD: Giao TCTD tự chủ ban hành tiêu chí đánh giá nhu cầu vay vốn sử dụng vào mục đích hợp pháp, có phương án sử dụng vốn khả thi, có khả năng tài chính để trả nợ, có tình tài chính minh bạch, lành mạnh và nhu cầu phục vụ đời sống với số tiền lớn để làm cơ sở cho cán bộ thẩm định thực hiện; đồng thời làm cơ sở để cán bộ thanh tra xem xét, quyết định.</p>

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
	chuyển nợ quá hạn;”.	liệu của khách hàng gửi tổ chức tín dụng phù hợp với đặc điểm của khoản vay, loại cho vay và đối tượng khách hàng; thu nợ; điều kiện, quy trình và thủ tục cơ cấu lại thời hạn trả nợ; chuyển nợ quá hạn;”	
7.2.		<p>Bổ sung điểm h vào khoản 2 Điều 22 như sau:</p> <p><i>“h) Kiểm soát việc cho vay để đầu tư kinh doanh chứng khoán; cho vay mua, kinh doanh bất động sản; cho vay cho các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; cho vay các nhu cầu vốn phục vụ đời sống có giá trị lớn theo đánh giá của tổ chức tín dụng;”.</i></p>	Bổ sung nội dung để quản lý chặt chẽ hơn đối với cho vay để đầu tư kinh doanh chứng khoán; cho vay mua, kinh doanh bất động sản; cho vay cho các dự án đầu tư theo hình thức đối tác công tư; cho vay các nhu cầu vốn phục vụ đời sống có giá trị lớn theo đánh giá của tổ chức tín dụng.
8.	Điều 23. Thỏa thuận cho vay	Sửa đổi, bổ sung khoản 1 và điểm b khoản 4 Điều 23 như sau:	
8.1	<p>Khoản 1 Điều 23 quy định:</p> <p>“1. Thỏa thuận cho vay phải được lập thành văn bản, trong đó tối thiểu có các nội dung sau:”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung tiêu đề khoản 1 Điều 23 như sau:</p> <p>“1. Thỏa thuận cho vay phải được lập thành văn bản (<i>bao gồm cả hợp đồng điện tử</i>), trong đó tối thiểu có các nội</p>	Sửa tiêu đề khoản 1 do Thông tư bổ sung quy định cho vay bằng phương tiện điện tử. Cho vay bằng phương tiện truyền thống hay cho vay bằng phương tiện điện tử thì trong thỏa

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
		dung sau:”.	thuận cho vay vẫn phải có các nội dung tối thiểu đã được quy định.
8.2	<p>Điểm b khoản 4 Điều 23 quy định:</p> <p>“b) Cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho khách hàng biết trước khi ký kết thỏa thuận cho vay và có xác nhận của khách hàng về việc đã được tổ chức tín dụng cung cấp đầy đủ thông tin”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung điểm b khoản 4 Điều 23 như sau:</p> <p>“b) Cung cấp đầy đủ thông tin về hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung cho khách hàng biết trước khi <i>giao</i> kết thỏa thuận cho vay và có xác nhận của khách hàng về việc đã được tổ chức tín dụng cung cấp đầy đủ thông tin”.</p>	Chỉnh sửa cho dễ hiểu làm cơ sở cho các TCTD thống nhất thực hiện
9.	<p>Điều 24. Kiểm tra sử dụng tiền vay</p> <p>“2. Tổ chức tín dụng có quyền thực hiện kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay, trả nợ của khách hàng theo quy trình nội bộ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Thông tư này”.</p>	<p>Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 24 như sau:</p> <p>“2. Tổ chức tín dụng có quyền, <i>nghĩa vụ</i> kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng theo quy trình nội bộ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 22 Thông tư này”.</p>	Khoản 3 Điều 94 Luật các TCTD quy định “ <i>Tổ chức tín dụng có quyền, nghĩa vụ kiểm tra, giám sát việc sử dụng vốn vay và trả nợ của khách hàng</i> ”. Do đó, dự thảo Thông tư sửa đổi cho phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 94 Luật Các TCTD.
10.		<p>Bổ sung Điều 24a vào sau Điều 24 như sau:</p> <p>“Điều 24a: Hoạt động cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử</p>	- Tại Điều 97 Luật các TCTD quy định: <i>TCTD được thực hiện các hoạt động kinh doanh qua việc sử dụng các phương tiện điện tử theo hướng dẫn của NHNN về quản lý</i>

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
		<p>1. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử phải xây dựng, ban hành, công khai quy trình, hồ sơ, thủ tục cho vay bằng phương tiện điện tử phù hợp với quy định tại Thông tư này, quy định của pháp luật về phòng, chống rửa tiền, pháp luật về giao dịch điện tử, các quy định pháp luật liên quan để đảm bảo an toàn, bảo mật thông tin khách hàng và an toàn hoạt động của tổ chức tín dụng.</p> <p>2. Tổ chức tín dụng thực hiện cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử phải thực hiện quản lý, kiểm soát, đánh giá rủi ro các quy trình nghiệp vụ được thực hiện tự động hóa, trong đó cần áp dụng các mô hình giám sát rủi ro và cảnh báo sớm để kịp thời có biện pháp ngăn chặn các hành vi gian lận.</p> <p>3. Trường hợp để nhận biết và xác minh khách hàng vay vốn qua việc sử dụng các phương tiện điện tử, tổ chức tín dụng phải có biện pháp, hình thức công nghệ để thu thập, kiểm tra, đối chiếu, đảm bảo sự khớp đúng giữa thông tin nhận biết khách hàng, dữ liệu sinh trắc học của khách hàng với các thông tin,</p>	<p>rủi ro và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Theo đề nghị của TCTD và phù hợp với chủ trương Chuyển đổi số ngành Ngân hàng đến 2025, định hướng đến năm 2025 của Thống đốc NHNN tại Quyết định số 810/QĐ-NHNN ngày 11/5/2021. - Để tạo khuôn khổ pháp lý cho hoạt động cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử của TCTD đối với khách hàng, dự thảo Thông tư bổ sung một Điều quy định chung về hoạt động cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử và sửa đổi, bổ sung một số điều khoản khác cho phù hợp với hình thức cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử. - Cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử khác cho vay bằng phương tiện truyền thống ở hình thức cho vay. Do đó, cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử phải tuân thủ đầy đủ các quy định tại luật các TCTD,

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
		<p><i>yếu tố sinh trắc học tương ứng trên các giấy tờ tùy thân gắn với khách hàng hoặc với dữ liệu định danh cá nhân được xác thực bởi cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc bởi tổ chức cung ứng dịch vụ định danh và xác thực điện tử được cấp phép hoặc với thông tin tại kho dữ liệu khách hàng của tổ chức tín dụng.</i></p> <p><i>4. Tổ chức tín dụng phải lưu giữ, bảo quản hồ sơ cho vay qua việc sử dụng các phương tiện điện tử, đảm bảo an toàn, bảo mật, được sao lưu dự phòng, đảm bảo tính đầy đủ, toàn vẹn của hồ sơ và cho phép truy cập, sử dụng khi cần thiết”.</i></p>	Thông tư 39, các quy định của pháp luật liên quan và các quy định nội bộ của TCTD.
11.	Điều 27. Phương thức cho vay	Sửa đổi, bổ sung khoản 1, khoản 4 và khoản 5 Điều 27 như sau:	
11.1.	<p>Khoản 1 Điều 27 quy định:</p> <p>“Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, tổ chức tín dụng và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay và ký kết thỏa thuận cho vay”.</p>	<p>a) Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 27 như sau:</p> <p>“Cho vay từng lần: Mỗi lần cho vay, tổ chức tín dụng và khách hàng thực hiện thủ tục cho vay <i>đối với khách hàng và giao kết thỏa thuận cho vay</i>”.</p>	Chỉnh sửa cho dễ hiểu làm cơ sở cho các TCTD thống nhất thực hiện

STT	Quy định tại Thông tư 39	Quy định tại dự thảo Thông tư sửa đổi Thông tư 39	Lý do
11.2	<p>Khoản 4 Điều 27 quy định:</p> <p>“4. Cho vay theo hạn mức: Tổ chức tín dụng xác định và thỏa thuận với khách hàng một mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Trong hạn mức cho vay, tổ chức tín dụng thực hiện cho vay từng lần. Một năm ít nhất một lần, tổ chức tín dụng xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này”.</p>	<p>b) Sửa đổi, bổ sung khoản 4 Điều 27 như sau:</p> <p><i>“4. Cho vay theo hạn mức: Tổ chức tín dụng xác định và thỏa thuận với khách hàng mức dư nợ cho vay tối đa được duy trì trong một khoảng thời gian nhất định. Một năm ít nhất một lần, tổ chức tín dụng xem xét xác định lại mức dư nợ cho vay tối đa và thời gian duy trì mức dư nợ này”.</i></p>	<p>Sửa đổi, bổ sung để tránh gây nhầm lẫn, vì trên thực tế TCTD và khách hàng ký hợp đồng cho vay hạn mức phục vụ nhu cầu thường xuyên của khách hàng; việc quy định mỗi lần đề nghị giải ngân TCTD phải thực hiện cho vay từng lần sẽ phát sinh thủ tục cho cả TCTD và khách hàng.</p>
11.2	<p>Khoản 5 Điều 27 quy định:</p> <p>“5. Cho vay theo hạn mức cho vay dự phòng: Tổ chức tín dụng cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi mức cho vay dự phòng đã thỏa thuận. Tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận thời hạn hiệu lực của hạn mức cho vay dự phòng nhưng không vượt quá 01 (một) năm”.</p>	<p>c) Sửa đổi, bổ sung khoản 5 như sau:</p> <p><i>“5. Cho vay theo hạn mức cho vay dự phòng: Tổ chức tín dụng xác định và thỏa thuận với khách hàng mức dư nợ cho vay dự phòng tối đa (ngoài phạm vi hạn mức cho vay đã thỏa thuận) trong thời hạn không vượt quá 01 (một) năm. Tổ chức tín dụng cam kết đảm bảo sẵn sàng cho khách hàng vay vốn trong phạm vi hạn mức cho vay dự phòng đã thỏa thuận”.</i></p>	<p>Chỉnh sửa câu chữ để làm rõ sự khác biệt giữa phương thức cho vay này với phương thức cho vay theo hạn mức theo đề nghị của nhiều TCTD.</p>

